TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆN NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 40/2017/DS-PT Ngày 18 - 8 - 2017 V/v kiện đòi tài sản tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chiến
Bà Phạm Thị Thông
Ông Phạm Văn Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Hồ Thị Hương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2017/TLPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp kiện đòi tài sản.

Do Bản án số 05/2017/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 39/2017/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Vũ Thị H (có mặt)
Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.
- *Bị đơn*: Bà Triệu Thị C (có mặt)
Địa chỉ: Thôn, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông
- *Người làm chứng*: Ông Nguyễn Văn D (có mặt)
Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.
- Người kháng cáo: Bà Triệu Thị C – bi đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/10/2017 của Bà Vũ Thị H và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn trình bày: Ngày 03 tháng 9 năm 2011 bà cho Bà Triệu Thị C vay số tiền 70.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền bà H và bà C cùng ký tên vào giấy vay, các bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ ngày 28/9/2011. Đến thời hạn trả nợ bà H đã nhiều lần yêu cầu bà C trả nợ, nhưng đến nay bà C vẫn chưa trả số nợ trên cho bà H.

Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà C trả số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng, bà H không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nợ.

Quá trình tham gia tố tụng Bà Triệu Thị C trình bày: Bà C thừa nhận có ký vào giấy vay tiền ngày 03/9/2011, nhưng trên thực tế bà H không giao số tiền 70.000.000 đồng cho bà C. Bà C cho rằng nguồn gốc số tiền này là do ngày 10/12/2003 bà C vay của bà H 20.000.000 đồng, năm 2004 bà C trả cho bà H 25.000.000 đồng bao gồm tiền lãi 20.000.000 đồng và tiền gốc 5.000.000 đồng. Đến năm 2009 bà H tiếp tục đến đòi nợ bà C, bà H có viết vào giấy bao thuốc lá tình tiền gốc và lãi của số tiền 20.000.000 đồng bà C vay năm 2003. Sau khi trừ đi số tiền 25.000.000 đồng bà C đã trả năm 2004, bà C còn nợ 52.000.000 đồng. Khi đó bà C chỉ nhận lời và nói là khi nào có tiền sẽ trả chứ không có viết giấy tờ gì. Đến cuối năm 2011 bà H thông báo với bà C số tiền bà C còn nợ là 170.000.000 đồng. Đến tối ngày 03/9/2011 tại nhà bà H, bà H cùng chồng là anh D yêu cầu bà C phải trả số tiền là 170.000.000 đồng, sau đó anh D bà H bớt cho bà C 100.000.000 đồng. Anh D viết giấy vay ngày 03/9/2011 và ép bà C ký vào giấy.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 29/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 47, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 256 của bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Vũ Thị H.

Buộc Bà Triệu Thị C phải trả cho Bà Vũ Thị H số tiền 70.000.000 đồng *(bảy mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày Bà Vũ Thị H có đơn yêu cầu thi hành án mà Bà Triệu Thị C không thi hành thì áp dụng khoản 2 điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 để tính lãi suất theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định đối với khoản tiền chậm thi hành án.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/6/2017 Bà Triệu Thị C làm đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông sửa bản án của Tòa án huyện C theo quy định của pháp luật. Bà C đồng ý trả số tiền 70.000.000 đồng nhưng đề nghị làm rõ số tiền 70.000.000 đồng trong giấy vay tiền là số tiền lãi của số tiền 20.000.000 đồng

vay năm 2003, để chứng minh bà C yêu cầu Tòa án giám định chữ viết trên 02 vỏ bao thuốc lái mà bà đã cung cấp.

Tại phiên tòa nguyên đơn Bà Vũ Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc Bà Triệu Thị C trả số tiền 70.000.000 đồng. Bà H thừa nhận chữ viết trên 02 vỏ bao thuốc lá là do bà viết, nhưng các nội dung viết trên 02 vỏ bao thuốc lá là một khoản vay khác, đã thanh toán xong không liên quan đến số tiền 70.000.000 đồng bà C vay ngày 03/9/2011.

Bị đơn Bà Triệu Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà C đồng ý trả số tiền 70.000.000 đồng nhưng cần làm rõ đây là số tiền lãi từ khoản vay 20.000.000 đồng năm 2003. Riêng yêu cầu giám định chữ viết trên 02 vỏ bao thuốc lá do bà H đã thừa nhận là chữ viết của bà H nên bà C không yêu cầu giám định nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm:

- Đơn kháng cáo của Bà Triệu Thị C làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là đúng pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đều tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá các tình tiết, nội dung của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Triệu Thị C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 29/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung đơn kháng cáo của Bà Triệu Thị C, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên toà, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định: Giấy vay tiền ngày 03/9/2011 giữa Bà Vũ Thị H và Bà Triệu Thị C tại phiên tòa phúc thẩm các bên đều thừa nhận có ký xác nhận vay số tiền 70.000.000 đồng. Tuy nhiên, phía bị đơn bà C cho rằng số tiền 70.000.000 đồng ghi trong giấy vay tiền ngày 03/9/2011 là số tiền lãi của số nợ 20.000.000 đồng từ năm 2003 đến năm 2011, sau khi tính toán đối chiếu công nợ thì số tiền nợ gốc và lãi là 170.000.000 đồng. Bà H giảm cho bà C 100.000.000 đồng, còn lại 70.000.000 đồng bà H viết giấy và yêu cầu bà ký xác nhận số nợ này, do tin tưởng nên bà C đã đồng ý ký vào giấy này.

Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bà C cho rằng số tiền 70.000.000 đồng là số tiền lãi của số tiền 20.000.000 đồng vay năm 2003, việc tính toán số lãi này được viết trên 02 vỏ bao thuốc lá là không có căn cứ. Bởi lẽ:

Tại phiên tòa bà H tuy thừa nhận chữ viết trên 02 vỏ bao thuốc lá là của bà nhưng bà cho rằng số tiền thể hiện trên 02 vỏ bao thuốc lá đó là tiền bà C mua hàng hóa của bà và một khoản vay khác đã thanh toán xong trước ngày bà C vay số tiền 70.000.000 đồng và không liên quan đến số tiền theo giấy vay tiền ngày 03/9/2011, đồng thời bà H không thừa nhận số tiền trên là tiền lãi của khoản vay năm 2003. Bên cạnh đó, số tiền trên 02 vỏ bao thuốc lá cũng không thể hiện gì liên quan đến số tiền mà hai bên ký trong giấy vay tiền ngày 03/9/2011. Tại phiên tòa phúc thẩm bà C không đưa ra chứng cứ nào mới để chứng minh số tiền 70.000.000 đồng là số tiền lãi của số tiền 20.000.000 đồng vay năm 2003 nên Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Triệu Thị C.

[2] Tuy nhiên, cấp sơ thẩm có một số sai sót cụ thể: Về lãi suất chậm thi hành án cấp sơ thẩm tuyên lãi suất chậm thi hành án theo khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005 là không chính xác. Vì thời điểm cấp sơ thẩm xét xử thì Bộ luật dân sự năm 2015 đã có hiệu lực nên phải áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này để tính lãi suất chậm thi hành án. Đồng thời về phần án phí dân sự sơ thẩm cấp sơ thẩm áp dụng Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy đ ịnh về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326, mà phải áp dụng Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Triệu Thị C. Quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ. Tuy nhiên, cần phải sửa bản án sơ thẩm về phần tính lãi suất chậm thi hành án và căn cứ áp dụng tính án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên Bà Triệu Thị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho Bà Triệu Thị C số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà C đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Sửa bản án sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 29/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đăk Nông đối với phần lãi suất chậm thi hành án và căn cứ áp dụng tính án phí dân sự sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 256 Bộ luật dân sự 2005; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H.

Buộc Bà Triệu Thị C phải trả cho Bà Vũ Thị H số tiền 70.000.000 đồng *(bảy mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Vũ Thị H, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Triệu Thị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Triệu Thị C phải chịu 3.500.000 đồng *(ba triệu năm trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Vũ Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.750.000 đồng *(một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* theo biên lai số 0001235 ngày 07/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Áp dụng Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Triệu Thị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Triệu Thị C số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp, theo biên lai số 0003340 ngày 21/6/2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Xuân Chiến